

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC HẠN VỪA
(Từ ngày 16 đến 31/10/ 2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-70mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái giảm so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 86%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lô giảm so với giai đoạn trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn khoảng 76% so với TBNN cùng kỳ. + - Sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình ở mức thấp hơn 47% so với TBNN cùng kỳ. + Trên sông Hồng: Mức nước hạ lưu sông Hồng dao động theo thủy triều và điều tiết thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội thấp hơn TBNN cùng kỳ 39%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 30-70mm, có nơi cao hơn 70mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái dự báo giảm so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 83%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 61%. + - Sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình ít biến đổi so với 15 ngày qua; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình 15 ngày tới dự báo ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 34%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội chịu ảnh hưởng của điều tiết của hồ chứa thượng lưu. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo thấp hơn TBNN cùng kỳ 26%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 15-40mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Lượng dòng chảy biến đổi chậm và giảm so với kỳ trước.

Tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 21%. + Trên sông Lục Nam: Lượng dòng chảy biến đổi chậm và giảm so với kỳ trước. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ 73%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 15-40mm, có nơi cao hơn 50mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Lượng dòng chảy giảm so với kì trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy có khả năng ở mức thấp hơn TBNN cùng kì 24%. + Trên sông Lục Nam: Lượng dòng chảy có khả năng giảm so với kì trước. Tổng lượng dòng chảy tại Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 71%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Thanh Hóa và phía bắc Nghệ An: 30-100mm, nam Nghệ An- Huế:150-500mm có nơi trên 500mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa đầu tháng 10/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với nửa cuối tháng 9. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 28%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 73%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 43%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 69%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trên các sông đã xuất hiện 1 đợt lũ, đỉnh lũ phổ biến ở mức BĐ1-BĐ2, riêng trên sông Kiến Giang lên trên mức BĐ2. Dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm Thượng Nhật ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 38%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-130mm có nơi cao hơn 140mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa cuối tháng 10/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với nửa đầu tháng 10. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng

17%; sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 69%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 62%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 81%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 65%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 230-500mm, phía nam có nơi dưới 100mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Nửa đầu tháng 10, dòng chảy trên các sông xuất hiện 01 đợt dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 54%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang thấp hơn TBNN cùng kỳ 56%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 87% so với TBNN, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn cao hơn 7%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 9%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 92%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao cao hơn 8% so với TBNN.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 70-200mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Nửa cuối tháng 10, dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 61%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang ở mức thấp hơn 52%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng trên các sông tiếp tục biến đổi chậm và có khả năng xuất hiện dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn ở mức thấp hơn 7% so với TBNN, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao hơn 14% so với TBNN cùng kỳ.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 70-170mm; có nơi cao hơn 200 mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Trong nửa đầu tháng 10, lưu lượng dòng chảy trên sông Đăkbla (Quảng Ngãi) dao động theo điều tiết hồ thủy điện và ở mức cao hơn so với nửa cuối tháng 9; trên sông Krông Ana (Đăk Lăk) ít biến đổi và ở mức cao hơn so với thời kỳ trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 80%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 17%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long có xu thế giảm dần.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phía bắc từ 40-70mm; phía nam từ 90-190mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Trong nửa cuối tháng 10, lưu lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tiếp tục dao động theo điều tiết hồ thủy điện và ở mức thấp hơn so với nửa đầu tháng; sông Krông Ana ít biến đổi và ở mức tương đương so với nửa đầu tháng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 82%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 19%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục giảm dần. Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu ở mức tương đương TBNN và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức thấp hơn TBNN 20%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/11/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 16 đến ngày 31/10/2026

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 16 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	36	<55	30-50	<10-30
	Sơn La	0	<100	10-30	xấp xỉ
	Hòa Bình	52	<50	20-40	<10-30
	Lào Cai	13	<75	30-50	<10-30
	Yên Bái	46	<49	30-50	<10-30
	Tuyên Quang	27	<56	30-50	xấp xỉ
	Hà Giang	7	<92	40-70	xấp xỉ
	Láng	13	<79	20-40	<20-40
	Thái Bình	72	<1	30-50	<20-40
	Nam Định	67	<19	20-40	<20-40
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	14	<53	20-40	<20-40
	Thái Nguyên	32	<49	20-40	<10-30
	Bắc Ninh	22	<66	15-30	<20-40
	Lạng Sơn	10	<74	15-30	xấp xỉ
	Bắc Giang	48	>5	15-30	<10-30
	Hải Dương	21	<64	15-30	<10-30
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	17	<76	20-40	<10-30
	Bái Thượng	20	<81	40-70	<10-30
	Thanh Hóa	95	<29	40-70	<20-40
	Quỳ Châu	25	<76	40-70	<10-30
	Cửa Rào	48	<30	30-50	<10-30
	Đô Lương	143	<20	40-70	<30-60
	Vinh	334	>32	40-70	<30-60
	Hương Sơn	193	<42	40-70	<30-60
	Hương Khê	322	>2	50-100	<40-70
	Hà Tĩnh	425	>20	40-70	<40-70
	Đồng Hới	394	>17	70-130	<40-70
	Quảng Trị	323	<6	70-130	<40-70
	Nam Đông	557	>22	70-130	<40-70
	Huế	501	>23	60-120	<40-70
Lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	435	>42	60-120	<40-70
	Trà My	516	>43	70-130	<40-70
	Ba Tơ	381	>24	70-130	<40-70
	Quảng Ngãi	451	>60	70-130	<40-70
	Quy Nhơn	146	<35	80-150	<40-70
	An Khê	44	<68	40-70	<40-70

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 16 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
	Tuy Hòa	236	>8	100-200	<40-70
	Nha Trang	40	<66	100-200	<20-40
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	75	<36	20-40	<30-60
	Lắc	156	>12	90-190	>10-30
	Buôn Mê Thuột	50	<60	40-70	<5-20
	Biên Hòa	270	>65	90-190	xấp xỉ
	Cần Thơ	170	>25	90-190	xấp xỉ

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 16 đến ngày 31/10/2026

Đơn vị: 10⁶ m³

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN	Dự báo	So sánh TBNN
Thao	Yên Bái	W	168	<86	152	<83
Lô	Tuyên Quang	W	203	<76	263	<61
Đà	Hồ Hòa Bình	W	1316	<47.2	1102	<34.3
Hồng	Hà Nội	W	1931	<39	1908	<26
Cầu	Gia Bảy	W	51.9	<21	43.4	<24
Lục Nam	Chũ	W	14.5	<73	9.4	<71
Mã	Cầm Thủy	W	573	< 28	449	< 17
Cả	Yên Thượng	W	498	< 73	404	< 69
La	Hòa Duyệt	W	316	< 43	194	< 62
Tả Trách	Thượng Nhật	W	85.4	> 38	111.4	> 65
Thu Bồn	Nông Sơn	W	480	< 54	575	< 61
Trà Khúc	Sơn Giang	W	319	< 56	484	< 52
Ba	Củng Sơn	W	297	<51	276	<56
Cái N,T	Đồng Trăng	W	77.8	>2	89.9	<13
ĐăkBlá	KonTum	W	43.2	< 80	44	< 82
Srêpôk	Giang Sơn	W	213.8	> 17	222.6	> 19
Tiền	Tân Châu	W			26944	~ TBNN
Hậu	Châu Đốc	W			5622	< 20